

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN
KỶ NIỆM 78 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM THÀNH CÔNG
(19/8/1945 - 19/8/2023)
VÀ QUỐC KHÁNH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(2/9/1945 - 2/9/2023)

Phần thứ nhất

**NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ VÀ THẮNG LỢI VĨ ĐẠI CỦA
ĐẤT NƯỚC TA TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY**

I- Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng mở đầu cuộc xâm lược nước ta. Ngày 03/02/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, lãnh đạo nhân dân cả nước đứng lên chống thực dân, đế quốc, giành độc lập cho dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, các cao trào cách mạng diễn ra trên khắp cả nước với khí thế sôi nổi.

Ngày 09/3/1945, phát xít Nhật đảo chính hất cẳng Pháp. Ngay trong đêm đó, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương mở rộng quyết định phát động một cao trào. Tháng 3/1945, Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Tháng 4/1945, Trung ương triệu tập Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ, quyết định nhiều vấn đề quan trọng, thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam giải phóng quân. Ngày 16/4/1945, Tổng bộ Việt Minh ra Chỉ thị tổ chức các Ủy ban Dân tộc giải phóng các cấp và chuẩn bị thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam, tức Chính phủ lâm thời cách mạng Việt Nam. Từ tháng 4/1945 trở đi, cao trào kháng Nhật, cứu nước diễn ra mạnh mẽ. Đầu tháng 5/1945, Bác Hồ từ Cao Bằng về Tuyên Quang, chọn Tân Trào làm căn cứ chỉ đạo cách mạng cả nước. Tháng 8/1945, Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào (Tuyên Quang) khẳng định: “Cơ hội rất tốt cho ta giành độc lập đã tới”^[1] và quyết định phát động toàn dân khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phát xít Nhật và tay sai trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nhân dân cả nước đồng loạt tiến hành Tổng khởi nghĩa, giành chính quyền. Chỉ trong vòng 15 ngày cuối tháng 8/1945, cuộc Tổng khởi nghĩa đã giành thắng lợi hoàn toàn, chính quyền trong cả nước về tay nhân dân. Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời trình trọng đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, tuyên bố trước quốc dân và thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam).

^[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.424.

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa mới ra đời đã phải đương đầu với muôn vàn khó khăn, thử thách. Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo toàn dân vừa chống thù trong, giặc ngoài, vừa xây dựng và củng cố vững chắc chính quyền nhân dân; lãnh đạo cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên vào ngày 06/01/1946, xây dựng Hiến pháp dân chủ đầu tiên (năm 1946); chăm lo xây dựng chế độ mới, đời sống mới của Nhân dân; chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm; kiên quyết trấn áp các thế lực phản cách mạng, thực hành sách lược khôn khéo, lúc thì tạm hòa hoãn với Tưởng để đánh thực dân Pháp xâm lược, lúc thì hoà với Pháp để đuổi Tưởng, triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù, đưa cách mạng vượt qua những thử thách hiểm nghèo, tranh thủ thời gian để củng cố lực lượng, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến không thể tránh khỏi.

Tháng 12/1946, trước dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa của thực dân Pháp, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động toàn quốc kháng chiến với quyết tâm: “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”^[2]. Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ; vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, dựa vào sức mình là chính, đồng thời tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của bạn bè quốc tế, Đảng đã lãnh đạo Nhân dân ta lần lượt đánh bại các kế hoạch chiến tranh của thực dân Pháp, đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Với thắng lợi này, chúng ta đã bảo vệ và phát triển thành quả của Cách mạng Tháng Tám, đưa cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới: xây dựng miền Bắc theo con đường chủ nghĩa xã hội và tiếp tục tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc ở miền Nam, thống nhất đất nước.

Nhân dân Bình Thuận nổi dậy giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Sau thời kỳ Mặt trận dân chủ, địch khủng bố gắt gao, nhiều đảng viên là lãnh đạo phong trào bị bắt tù đày, đường dây liên lạc với Xứ ủy Trung kỳ bị đứt; thiếu sự lãnh đạo của Đảng, nên từ năm 1941 đến đầu năm 1945, phong trào cách mạng ở Bình Thuận tạm lắng. Đến tháng 4/1945, các đảng viên bị tù từ trại tập trung Ly Hy (Thừa Thiên) và nhà tù Buôn Ma Thuột trở về, phong trào cách mạng ở Bình Thuận mới tiếp tục sôi động.

Tháng 6/1945, Ban Vận động Việt Minh lâm thời tỉnh Bình Thuận được thành lập, do đồng chí Nguyễn Sắc Kim phụ trách chung, đồng chí Nguyễn Tương phụ trách tổ chức - tài chính; các đồng chí Nguyễn Nhơn, Nguyễn Chúc, Thái Hựu phụ trách các huyện, ngành... phong trào cách mạng từng bước phát triển.

Thực hiện “Lệnh tổng khởi nghĩa” của Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc (thông

^[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.8, tr.160.

qua ngày 16/8/1945 tại Đại hội Quốc dân họp tại Tân Trào) và thư kêu gọi nhân dân cả nước tổng khởi nghĩa của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ban Vận động Việt Minh lâm thời tỉnh phát động khởi nghĩa giành chính quyền. Trước khí thế cách mạng của nhân dân, ngày 24/8/1945, tỉnh trưởng Huỳnh Dur giao chính quyền cho cách mạng. Ngày 25/8/1945, hàng vạn đồng bào từ các vùng xung quanh Phan Thiết kéo về cùng với đồng bào thị xã Phan Thiết diễu hành biểu dương lực lượng và tập trung tại sân vận động Phan Thiết tham gia mít tinh mừng chiến thắng. Sau mít tinh, quần chúng lần lượt diễu hành qua các phố và các ngã đường làm cho thế cách mạng càng lên cao. Sau đó, Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh được thành lập, gồm 11 ủy viên, đồng chí Nguyễn Nhơn được cử làm Chủ tịch, đồng chí Nguyễn Tương làm Phó Chủ tịch.

Sau khi giành chính quyền ở tỉnh và Phan Thiết thành công, Ban Vận động Việt Minh lâm thời tỉnh triển khai cán bộ xuống các huyện tổ chức nhân dân khởi nghĩa giành chính quyền. Ở Hàm Thuận, những ngày sau đó bọn tay sai từ phủ, tổng đến xã, phường lần lượt ra trình diện, giao nộp hồ sơ, đồng triện cho cách mạng. Chính quyền cách mạng được thành lập, đồng chí Nguyễn Gia Tú được cử làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời và ông Nguyễn Hữu Hạnh làm Chủ nhiệm Việt Minh huyện. Ở các huyện Hòa Đa, Phan Lý, Tuy Phong, đồng chí Cổ Văn An được Việt Minh tỉnh phân công phụ trách đã cùng với Ban vận động Việt Minh các huyện lãnh đạo quần chúng nổi dậy giành chính quyền. Đêm 24/8/1945, lực lượng ta tiến vào phủ bộ Hòa Đa, đề lại Phan Thanh Cần và đội quân đồn Hòa Đa đầu hàng, giao ấn tín, vũ khí cho cách mạng. Ngày 28/8, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời Hòa Đa được thành lập, đồng chí Cổ Văn An được bầu làm Chủ tịch, ông Lê Hòa làm Chủ nhiệm Việt Minh huyện. Ở Tuy Phong, trưa 27/8/1945, hàng ngàn người dân đổ về xã Long Hương mít tinh, sau đó kéo đến huyện đường, tri huyện Phan Thanh Đạm đầu hàng, giao ấn tín. Tối 27/8, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện được thành lập, do đồng chí Võ Đăng làm Chủ tịch. Ngày 28/8/1945, một số thanh niên trí thức người Việt, người Chăm ở Phan Lý Chàm tiến vào huyện đường, tri huyện Phạm Ngọc Cẩn nhanh chóng giao chính quyền cho lực lượng khởi nghĩa. Ngày 29/8, chính quyền cách mạng huyện Phan Lý Chàm được thành lập, ông Thanh Giác được bầu làm Chủ tịch. Ở đảo Phú Quý (lúc này thuộc huyện Tuy Phong), sau khi lính Nhật rút khỏi đảo và nhận chủ trương khởi nghĩa từ đất liền, tối 29/8/1945, một số thanh niên yêu nước cùng cốt cán Việt Minh tổ chức trực vũ khí lính ngự, lập chính quyền cách mạng, đồng chí Huỳnh Văn Hoạch được bầu làm Chủ tịch. Ở Hàm Tân, các xã Hiệp Nghĩa, Phong Điền, Tam Tân, nơi có đảng viên cũ đã lãnh đạo nhân dân đứng lên giành chính quyền vào 7 giờ sáng ngày 26/8/1945. Sáng 29/8, các làng Bình Châu, Thắng Hải nhân dân kéo về huyện đường Hàm Tân để biểu dương lực lượng. Chiều ngày 2/9/1945, tại sân banh La Gi, nhân dân các làng xung quanh kéo về làm lễ mừng độc lập, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện được thành lập, ông Phan

Thanh Bá được bầu làm Chủ tịch. Ở huyện Tánh Linh, sau khi tham gia giành chính quyền ở tỉnh, đồng chí Nguyễn Gia Tú được cử lên cùng đồng chí Lê Văn Triều tổ chức khởi nghĩa giành chính thắng lợi. Chính quyền cách mạng được thành lập, đồng chí Lê Văn Triều được bầu làm Chủ tịch. Vùng Võ Đắc do tổ chức Đảng huyện Xuân Lộc (tỉnh Đồng Nai) lãnh đạo, nhân dân từ cây số 14, 23, 27 tập trung về Võ Đắc tổ chức giành chính quyền. Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời được thành lập, đồng chí Ba Cường được bầu làm Chủ tịch.

Gần một tháng sau ngày khởi nghĩa, hệ thống chính quyền cách mạng từ tỉnh đến cơ sở ở Bình Thuận đã được thành lập và hoạt động. Ngày 2/9/1945, trên sân vận động Phan Thiết và các huyện, nhân dân trong tỉnh tổ chức mít tinh, diễu hành mừng ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt nhân dân Việt Nam tuyên bố với thế giới: *“Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”*.

II- Kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta trải qua gần 21 năm, là cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ và nhiều thách thức, ác liệt với nhiều giai đoạn đối phó với các kế hoạch, chiến lược khác nhau của đế quốc Mỹ.

Giai đoạn từ tháng 7/1954 đến hết năm 1960: Đế quốc Mỹ trắng trợn phá hoại Hiệp định Giơnevơ, dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, thực hiện chính sách thực dân mới, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta. Mỹ - Diệm đã tiến hành các chiến dịch đàn áp dã man các phong trào yêu nước, tiến bộ ở miền Nam, dìm cách mạng miền Nam trong biển máu. Đứng trước tình thế mới, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo quân và dân cả nước thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: *Một là*, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xây dựng miền Bắc thành căn cứ cách mạng vững mạnh của cả nước; *Hai là*, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam nhằm giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà. Thực hiện nhiệm vụ trên, miền Bắc tích cực triển khai những công việc bộn bề sau chiến tranh, nhanh chóng tổ chức cuộc sống mới; bước đầu xây dựng, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội theo con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Ở miền Nam, cuộc đấu tranh diễn ra vô cùng khó khăn, ác liệt. Trong bối cảnh đó, từ ngày 13 đến ngày 21/01/1959, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II đã họp (mở rộng) và ban hành Nghị quyết về nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, theo đó đã định hướng và động viên nhân dân miền Nam vùng lên đấu tranh, tạo ra phong trào Đồng khởi (1959 - 1960), thúc đẩy cách mạng miền Nam tiến lên.

Giai đoạn từ đầu năm 1961 đến giữa năm 1965: Từ cuối năm 1960, đế quốc

Mỹ tiến hành chiến lược chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” đối phó với cách mạng miền Nam. Cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam chuyển sang giai đoạn mới, từ khởi nghĩa từng phần lên chiến tranh cách mạng, kết hợp song song cả đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị, đánh địch bằng cả ba mũi giáp công, trên cả ba vùng chiến lược, làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ và tay sai. Trên miền Bắc, các mặt trận kinh tế, văn hoá, an ninh, quốc phòng đều có bước phát triển mới. Quân và dân miền Bắc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, vừa sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu và chi viện cho miền Nam.

Giai đoạn từ giữa năm 1965 đến hết năm 1968: Trước nguy cơ phá sản của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, đế quốc Mỹ chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, sử dụng quân đội Mỹ là lực lượng cơ động chủ yếu tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta; dùng nguy quân, nguy quyền để bình định, kìm kẹp nhân dân, âm mưu đánh bại cách mạng miền Nam trong vòng 25 đến 30 tháng (từ giữa năm 1965 đến hết năm 1967), đẩy mạnh chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân. Trên chiến trường miền Nam, quân và dân ta đã đánh thắng quân xâm lược Mỹ ngay từ những trận đầu khi chúng vừa đổ bộ vào. Quân dân miền Bắc tiếp tục đánh trả cuộc tiến công của Mỹ bằng không quân và hải quân, giành những thắng lợi lớn trên nhiều mặt, bảo đảm giao thông thông suốt, chi viện sức người, sức của ngày càng lớn cho miền Nam. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 đã giáng một đòn quyết định vào chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh và ngồi vào bàn đàm phán tại Hội nghị Pari. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta bước vào giai đoạn mới.

Giai đoạn từ năm 1969 đến năm 1973: Đế quốc Mỹ thi hành chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”, từng bước mở rộng chiến tranh sang Campuchia, Lào. Quân và dân ta phối hợp với quân, dân hai nước Lào, Campuchia đánh bại một bước quan trọng chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”; liên tiếp giành thắng lợi lớn trên chiến trường, đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ ở miền Bắc, đặc biệt là đánh thắng cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B.52 của Mỹ, làm thay đổi cục diện của cuộc chiến tranh. Cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao cũng diễn ra quyết liệt, chúng ta khôn khéo tiến công địch, phối hợp chặt chẽ giữa “đánh và đàm”, buộc Mỹ ký Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam ngày 27/01/1972.

Giai đoạn từ cuối năm 1973 đến ngày 30/4/1975: Sau khi ký Hiệp định Pari, mặc dù buộc phải rút hết quân nhưng đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục âm mưu dùng nguy quân, nguy quyền làm công cụ để thực hiện chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam. Phong trào cách mạng phát triển mạnh trên khắp miền Nam. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 là trận quyết chiến, chiến lược vĩ đại của quân và dân ta, với chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử toàn thắng đã kết thúc 21 năm

kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược của nhân dân Việt Nam, đất nước ta sạch bóng quân xâm lược, non sông thống nhất.

III- Công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế

1- Trong 21 năm (1954 - 1975), đế quốc Mỹ đã tiếp sức cho chế độ nguy quyền tay sai, xâm lược miền Nam Việt Nam, đồng thời phát động chiến tranh phá hoại với âm mưu hủy diệt miền Bắc. Hàng loạt khó khăn khi tổ chức cuộc sống mới và giải quyết những vấn đề như tìm kiếm hài cốt liệt sỹ, thực hiện chính sách với thương, bệnh binh, liệt sỹ, người có công với cách mạng, thanh niên xung phong; trẻ em khuyết tật, bị di chứng chiến tranh, đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ kháng chiến.

Đất nước vừa trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hậu quả chiến tranh chưa kịp hàn gắn thì lại liên tiếp bước vào cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới (Tây Nam năm 1978 và phía Bắc năm 1979). Các cuộc chiến đấu này tuy không kéo dài nhưng đã gây tổn thất, ảnh hưởng đến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quan hệ đối ngoại.

Sau chiến tranh giải phóng miền Nam, nguồn viện trợ không hoàn lại của quốc tế cho Việt Nam giảm hẳn và không còn; cùng với đó là chính sách thù địch, bao vây, cấm vận của Mỹ, đặt nước ta vào tình thế bị cô lập với thế giới. Thời gian 10 năm trước đổi mới, đã có không ít các hoạt động phá hoại, những âm mưu bạo loạn và lật đổ, những kích động và chia rẽ hận thù dân tộc, tất cả đều có sự tiếp sức của các thế lực phản động bên ngoài. Tình hình phức tạp nảy sinh sau chiến tranh cùng với những hậu quả chiến tranh chưa giải quyết xong đã tác động sâu sắc vào đời sống xã hội, tạo ra khủng hoảng kinh tế - xã hội ở nước ta những năm 1980, trước thềm công cuộc đổi mới.

2- Trong những năm 80 của thế kỷ XX, tình hình thế giới và trong nước có nhiều biến đổi to lớn. Hội nhập quốc tế trở thành vấn đề sống còn của mọi quốc gia, dân tộc. Mô hình xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, tạo nên cú sốc chính trị chấn động nhân loại trong thế kỷ XX. Ở trong nước, chúng ta vừa ra khỏi cuộc chiến tranh, lại bị thế bao vây cấm vận thù địch, đất nước rơi vào cuộc khủng hoảng trầm trọng về kinh tế - xã hội. Trước bối cảnh đó, Đảng ta đã tỏ rõ bản lĩnh của mình, chủ động khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới. Đại hội VI của Đảng đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, tạo ra đột phá lớn và toàn diện, đem lại luồng sinh khí mới cho xã hội, làm xoay chuyển tình hình, đưa đất nước tiến lên.

Thành công của sự nghiệp đổi mới hơn 36 năm, không những giữ vững ổn định chính trị, giữ vững con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh chính trị thế giới hết sức phức tạp, đầy biến động mà còn đem lại những thành tựu quan trọng cho đất nước. Từ một nước trước đổi mới còn khủng hoảng, trì trệ, lưu thông

phân phối ách tắc, rối ren, hàng hóa, vật phẩm tiêu dùng khan hiếm, đời sống các tầng lớp nhân dân gặp nhiều khó khăn, một bộ phận nhân dân nao núng, giảm sút niềm tin; sau đổi mới, đã thành một Việt Nam năng động, phát triển, chuyển đổi thành công sang mô hình và cơ chế quản lý kinh tế mới, có mức tăng trưởng kinh tế cao, liên tục trong nhiều năm, vị thế, uy tín, quan hệ ngoại giao ngày càng rộng mở và nâng cao, được đánh giá là quốc gia có môi trường chính trị ổn định, an ninh và an toàn, là địa chỉ tin cậy cho các nhà đầu tư quốc tế.

Phần thứ hai

PHÁT HUY THÀNH QUẢ KINH NGHIỆM 78 NĂM QUA, TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH TOÀN DIỆN, ĐỒNG BỘ CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, ĐƯA ĐẤT NƯỚC PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG

1. Suốt 78 năm qua, kể từ ngày Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công đến nay, cách mạng Việt Nam đã đi qua nhiều giai đoạn, nhiều bước ngoặt và vượt qua nhiều thử thách lớn, giành những thắng lợi vĩ đại, đưa đất nước phát triển. Việt Nam đã ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, khó khăn, thách thức vẫn còn nhiều.

2. Trong sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước ngày nay, Việt Nam tiếp tục vận dụng và phát huy những bài học kinh nghiệm đã được đúc rút từ thực tiễn của cách mạng Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc 78 năm qua, cụ thể là:

Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội - ngọn cờ vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ chặt chẽ với nhau.

Hai là, sự nghiệp cách mạng là của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Chính Nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với Nhân dân. Quan liêu, tham nhũng, xa rời Nhân dân sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng.

Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết: Đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Đó là truyền thống quý báu và là nguồn sức mạnh to lớn của cách mạng nước ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - Thành công, thành công, đại thành công.

Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế. Trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng cần kiên định ý chí độc lập, tự chủ; nêu cao tinh thần hợp tác quốc tế; phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ ngoại lực; kết hợp yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại.

Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đảng không có lợi ích nào khác ngoài việc phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân. Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng làm giàu trí tuệ, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực tổ chức để đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng phải xuất phát từ thực tế, tôn trọng quy luật khách quan. Phải phòng và chống những nguy cơ lớn: sai lầm về đường lối, bệnh quan liêu và sự thoái hóa, biến chất của cán bộ, đảng viên.

3. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta ra sức phấn đấu xây dựng, phát triển đất nước theo Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sửa đổi năm 2013), thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phấn đấu thực hiện các mục tiêu: Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, phát huy có hiệu quả mọi nguồn lực, động lực để phát triển đất nước nhanh, bền vững; không ngừng nâng cao mức sống của Nhân dân; rút ngắn khoảng cách phát triển với các nước tiên tiến trong khu vực, nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế; phấn đấu sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, tiếp tục tạo nền tảng vững chắc để đến giữa thế kỷ XXI trở thành nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Kỷ niệm 78 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9 là dịp để chúng ta nhận thức đầy đủ trách nhiệm của thế hệ hôm nay trong việc vận dụng và phát triển những bài học kinh nghiệm quý giá của Cách mạng tháng Tám, của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hơn 78 năm qua vào sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Phần thứ ba

BÌNH THUẬN: TIỀM NĂNG, THÀNH TỰU VÀ TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN

Trước thập niên 90 của thế kỷ XX, Bình Thuận là một trong những tỉnh còn

nhiều khó khăn, nền kinh tế tăng trưởng chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; chất lượng và sức cạnh tranh nền kinh tế còn hạn chế; kết cấu hạ tầng còn thiếu, lạc hậu và chưa đồng bộ, đặc biệt là vùng nông thôn - miền núi; chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, lao động còn tập trung trong nông nghiệp và ở nông thôn với tỷ lệ cao, năng suất lao động thấp; đời sống một bộ dân cư còn thấp.

Kể từ sau khi tái lập tỉnh đến nay (tháng 4/1992), với tinh thần trách nhiệm cùng sự đoàn kết, năng động, sáng tạo và quyết tâm cao, Bình Thuận đã vượt khó, vươn lên và từng bước rút ngắn chênh lệch về trình độ phát triển với các tỉnh khu vực duyên hải miền Trung và miền Đông Nam bộ; tiềm lực kinh tế và kết cấu hạ tầng kinh tế bước đầu được củng cố, tạo tiền đề cho Bình Thuận phát triển mạnh trong những năm tới. Những bước phát triển vừa qua với các nhân tố mới như du lịch, khai thác dầu khí ngoài khơi, năng lượng tái tạo, nông lâm nghiệp, thủy sản, đã và đang từng bước để Bình Thuận “cắt cánh”, “vươn mình” sớm trở thành Trung tâm năng lượng của quốc gia; dịch vụ cảng biển gắn với hình thành các đô thị, các khu công nghiệp và cung cấp dịch vụ logistic; phát triển mô hình các khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ; phát triển các đô thị ven biển, các trung tâm du lịch biển, du lịch sinh thái mang tầm khu vực và quốc tế.

I. NHỮNG THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC QUA 30 NĂM TÁI LẬP TỈNH BÌNH THUẬN

1. Nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng khá và phát triển tương đối toàn diện

Từ năm 1992 đến nay, Bình Thuận luôn đạt tốc độ tăng trưởng khá, tổng sản phẩm nội tỉnh (GRDP) bình quân hàng năm tăng 9,07%; trong đó, GRDP nhóm ngành: Nông - lâm - thủy sản tăng 5,19%; công nghiệp - xây dựng tăng 15,16%; dịch vụ tăng 14,02%. Tăng trưởng kinh tế của tỉnh luôn cao hơn so với mức bình quân của cả nước. Cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp, xây dựng, dịch vụ và giảm dần tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản, đến năm 2022, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng tăng lên 37,32% (năm 1992 chiếm 12,13%); dịch vụ tăng lên 33,04% (năm 1992 chiếm 25,25%) tỷ trọng nhóm ngành nông - lâm - thủy sản giảm còn 29,64% (năm 1992 chiếm 62,61%). Quy mô giá trị GRDP (theo giá hiện hành) tăng từ 3.914 tỷ đồng năm 1992 lên 94.858 tỷ đồng năm 2022 (bằng gấp 24,24 lần, tăng bình quân 11,21%/năm). Năng suất lao động năm 2022 bằng gấp 17,7 lần so với năm 1992, tăng bình quân 10,05%/năm. GRDP bình quân đầu người tăng từ 4,55 triệu đồng (tương đương 252,11 USD năm 1992 lên 75,69 triệu đồng (tương đương 3.248,52 USD), bằng gấp 12,89 lần so với năm 1992, tăng bình quân 12,89%/năm; thu nhập bình quân đầu người từ 1,35 triệu đồng năm 1992 lên 56,28 triệu đồng năm 2022 (bằng gấp 41 lần, tăng bình quân 13,24%/năm). Các ngành kinh tế phát triển khá đồng đều, tiềm năng, lợi thế của tỉnh được khai thác ngày càng tốt hơn, nhất là về năng lượng, du lịch.

2. Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp phát triển khá nhanh và chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế của tỉnh

Ngành công nghiệp có tốc độ tăng trưởng khá cao, với giá trị tăng thêm trong giai đoạn 1992-2022 bình quân 15,39%/năm; chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế của tỉnh (từ 9,58% năm 1992 lên 30,27% năm 2022). Cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chuyển dịch theo hướng tích cực, thu hút được nhiều dự án đầu tư công nghiệp có quy mô lớn, nhất là các dự án năng lượng. Các sản phẩm sản xuất đều tăng, trong đó sản phẩm tăng khá cao như: Điện phát ra (gấp 10.312,5 lần); đá xây dựng (gấp 170,95 lần), thủy sản đông lạnh (gấp 46,69 lần); sản phẩm may mặc (gấp 96,77 lần); thức ăn gia súc (gấp 307,88 lần). Sản phẩm công nghiệp ngày càng đa dạng, một số sản phẩm lợi thế tiếp tục khẳng định chỗ đứng trên thị trường và tăng trưởng nhanh như: Hải sản chế biến, nước khoáng Vĩnh Hảo, muối công nghiệp...; có thêm một số sản phẩm mới như: điện gió, điện mặt trời, sản phẩm sản xuất từ nhựa composite, đồ gỗ trang trí nội thất, tole mạ màu, giấy dính cao cấp, chế biến khoáng sản titan.

Tiềm năng về năng lượng, nhất là năng lượng tái tạo được đầu tư, phát huy hiệu quả^[3]. Giá trị sản xuất công nghiệp, nhất là sản xuất và phân phối điện tăng trưởng cao (tăng bình quân 42,23%/năm). Đây là lĩnh vực đóng góp chủ yếu vào tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp, là động lực chủ yếu của tăng trưởng kinh tế của tỉnh, góp phần đưa Bình Thuận trở thành tỉnh phát triển mạnh về công nghiệp năng lượng, từng bước trở thành một trung tâm năng lượng lớn của cả nước.

Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản được khuyến khích phát triển. Chương trình khuyến công hỗ trợ đầu tư đổi mới công nghệ phát triển công nghiệp nông thôn đã bắt đầu có tác động tích cực trong phát triển công nghiệp chế biến các sản phẩm lợi thế của tỉnh. Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất phát triển công nghiệp bảo quản sau thu hoạch (bảo quản nông sản, hải sản); đổi mới, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, hiện đại hóa dây chuyền sản xuất và đầu tư mở rộng quy mô công suất hoạt động. Công tác chuẩn bị hình thành khu vực chế biến sâu quặng titan được chú ý.

Từng bước hình thành các khu, cụm công nghiệp theo hướng thu hút các ngành nghề gắn liền vùng nguyên liệu và lợi thế của từng địa phương; nhiều công trình, dự án công nghiệp đã được triển khai đầu tư hoàn thành, đưa vào sử dụng đã

^[3] Đến nay, toàn tỉnh có 48 nhà máy điện được đưa vào vận hành với tổng công suất 6.520 MW, gồm: 4 nhà máy nhiệt điện than thuộc Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân, tổng công suất 4.284 MW; 7 nhà máy thủy điện, tổng công suất 819,5 MW; 10 nhà máy điện gió, tổng công suất 335 MW; 26 nhà máy điện mặt trời, tổng công suất 1.072 MW, 1 nhà máy thủy điện diesel đảo Phú Quý, công suất 10 MW. Sản lượng điện thiết kế của 48 nhà máy điện trên địa bàn tỉnh khoảng 31,6 tỷ kWh/năm. Ngoài ra, còn có nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 3 (1.980 MW) thuộc Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân đang chuẩn bị thi công; Trung tâm Điện lực (khí LNG) Sơn Mỹ với tổng công suất 2 nhà máy là 4.500 MW đang thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, dự kiến khởi công sau năm 2022. Đến nay, toàn tỉnh đã có 124/124 (100%) xã, phường, thị trấn có điện lưới quốc gia với 99,84% hộ được sử dụng điện (Năm 1992, chỉ có 44/111 (39,64%) xã, phường, thị trấn có điện, với 35% số hộ được sử dụng điện).

góp phần đáng kể tăng nhanh giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh. Đến nay, đã có 9 khu công nghiệp được phê duyệt quy hoạch với tổng diện tích 3.003,43 ha. Trong đó, hiện có 8 khu công nghiệp đã được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư; 6 khu công nghiệp đã đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và đi vào hoạt động (Phan Thiết 1, 2; Hàm Kiệm 1,2; Sông Bình, Tuy Phong), thu hút được 89 dự án đầu tư (trong đó có 28 dự án FDI), với tổng mức đầu tư 16.192,54 tỷ đồng và 231,08 triệu USD, diện tích cho thuê 277,74/734,9 ha, đạt tỷ lệ 37,79% diện tích các khu công nghiệp đã đầu tư xây dựng hạ tầng. Toàn tỉnh có 27 cụm công nghiệp đã thu hút, bố trí 173 dự án đầu tư với tổng diện tích 268,2 ha, chiếm khoảng 35,66% diện tích đất công nghiệp.

3. Các ngành thương mại, dịch vụ, du lịch phát triển tương đối mạnh, đáp ứng ngày càng cao sự phát triển của thị trường và nhu cầu xã hội:

Hoạt động thương mại nội địa phát triển mạnh, thị trường ngày càng được mở rộng, gắn với thị trường các khu vực và cả nước, hình thành rõ nét các tụ điểm thương mại - dịch vụ ở các đô thị, vùng dân cư tập trung. Mạng lưới phân phối ngày càng được mở rộng, lưu thông hàng hóa và dịch vụ thông suốt đến các vùng, miền trong tỉnh. Hạ tầng kỹ thuật thương mại chủ yếu như: mạng lưới chợ, trung tâm thương mại, siêu thị, chuỗi cửa hàng tiện lợi, hệ thống kinh doanh xăng dầu và các hạ tầng kỹ thuật thương mại khác được quy hoạch và định hướng phát triển ổn định. Tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ tiêu dùng đến năm 2022 dự ước đạt 70.400 tỷ đồng, bằng gấp 132,83 lần so với năm 1992, tăng bình quân 17,7%/năm.

Hoạt động xuất khẩu được đẩy mạnh. Kim ngạch xuất khẩu năm 2022 ước đạt 727,9 triệu USD, gấp 89,13 lần so với năm 1992, tăng bình quân 16,14%/năm; trong đó xuất khẩu hàng hóa đạt 617,9 triệu USD, gấp 75,66 lần so với năm 1992, tăng bình quân 15,51%^[4]. Các sản phẩm chế biến xuất khẩu của tỉnh gồm thủy hải sản, nông sản (thanh long, cao su, nhân điều), hàng may mặc và giày dép các loại. Hoạt động xúc tiến thương mại, dịch vụ được quan tâm; thị trường xuất khẩu từng bước được mở rộng, sản phẩm hàng hóa xuất khẩu của tỉnh hiện đã xuất sang trên 56 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, đã tham gia hầu hết thị trường các nước là thành viên của các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết. Số lượng doanh nghiệp tham gia xuất khẩu ngày càng nhiều, thương hiệu của một số doanh nghiệp có uy tín đã được khẳng định.

Du lịch phát triển nhanh, nhất là sau sự kiện nhật thực toàn phần vào ngày 24/10/1995 đã mở ra triển vọng phát triển mới. Du lịch Bình Thuận nói chung và Khu du lịch Quốc gia Mũi Né nâng cao chất lượng, giữ vững được thương hiệu và

^[4] Trong đó: Hàng thủy sản bằng gấp 22,32 lần so với năm 1992, tăng bình quân 10,91%/năm; hàng nông sản bằng gấp 62,2 lần so với năm 1992, tăng bình quân 14,76%/năm; hàng hoá khác bằng gấp 352,08 lần so với năm 1992, tăng bình quân 21,59%/năm.

uy tín; từng bước trở thành địa bàn trọng điểm về du lịch của cả nước và là Trung tâm Du lịch thể thao biển mang tầm quốc gia. Đã thu hút nhiều dự án đầu tư phát triển du lịch dọc khu vực ven biển^[5], trong đó có một số dự án có quy mô đầu tư lớn, tổ hợp du lịch - dịch vụ. Đến nay, đã có 382 dự án du lịch được chấp thuận đầu tư còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký đầu tư là 70.220 tỷ đồng, trong đó có 188 dự án đã đi vào hoạt động kinh doanh. Các sản phẩm du lịch ngày càng phong phú, hấp dẫn hơn với hệ thống khách sạn, khu nghỉ dưỡng cao cấp đã được đầu tư hoàn thành và đã đi vào hoạt động, cùng với việc phát triển đa dạng các loại hình du lịch nghỉ dưỡng, du lịch thể thao (lướt ván buồm, lướt ván điều, thuyền buồm, golf.), du lịch hội nghị, du lịch tín ngưỡng, tham quan các di tích lịch sử - văn hóa. Dịch vụ lữ hành, vận chuyển hành khách du lịch, nhà hàng ăn uống, cơ sở mua sắm, dịch vụ chăm sóc sức khỏe phát triển khá nhanh, cơ bản đáp ứng được nhu cầu của du khách. Các hoạt động văn hóa, thể thao, các lễ hội truyền thống được tổ chức gắn với yêu cầu phát triển du lịch. Hình ảnh, thương hiệu Khu du lịch Mũi Né - Phan Thiết với nhiều khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp đã được khẳng định đối với thị trường du lịch trong và ngoài nước. Tốc độ tăng trưởng của ngành du lịch khá cao. Lượng khách đến tham quan nghỉ dưỡng năm 2019 đạt 6,404 triệu lượt khách, gấp 512,77 lần so với năm 1992, tăng bình quân 26%/năm, trong đó khách quốc tế 774 ngàn lượt khách, gấp 80,49 lần so với năm 1992, tăng bình quân 17,65%/năm; doanh thu từ hoạt động du lịch năm 2019 đạt 15.200 tỷ đồng, bằng gấp 2.515,89 lần so với năm 1992, tăng bình quân 33,64%/năm^[6]. Thời gian lưu trú của khách ngày càng dài hơn, tỷ lệ du khách quay trở lại cao hơn.

Hoạt động vận tải ngày càng có chất lượng cao hơn, có thêm nhiều loại hình vận tải mới. Duy trì tổ chức tốt công tác phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng. Tuyến vận tải đường biển Phan Thiết - Phú Quý duy trì hoạt động an toàn, thông suốt, đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa; phương tiện hoạt động trên tuyến đã tăng về số lượng cũng như chất lượng, rút ngắn thời gian đi lại giữa đảo và đất liền. Hạ tầng giao thông ngày càng phát triển; nhiều công trình giao thông đã hoàn thành và đưa vào sử dụng có ý nghĩa chiến lược cho phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng của tỉnh như tuyến đường trục ven biển từ La Gi đến Tuy Phong, đường ĐT.706B, đường Hoà Thắng - Hoà Phú, đường ĐT 720, ĐT 766, cảng quốc tế Vĩnh Tân, cảng Phan Thiết, cảng Phú Quý; phối hợp thi công hoàn thành dự án mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1 - đoạn qua địa bàn tỉnh, Quốc lộ 55, Quốc lộ 28. Đến nay, hệ thống đường tỉnh đã và đang tiếp

^[5] Thành phố Phan Thiết, thị xã La Gi, các huyện: Tuy Phong, Bắc Bình, Hàm Tân, Hàm Thuận Nam.

^[6] Do ảnh hưởng của dịch COVID-19, năm 2020 chỉ đón được 3,295 triệu lượt khách, trong đó có 171, 240 ngàn lượt khách quốc tế, doanh thu từ du lịch đạt 9.400 tỷ đồng; năm 2021 chỉ đón được 1,774 triệu lượt khách, trong đó có 23,2 ngàn lượt khách quốc tế, doanh thu từ du lịch đạt 4.158 tỷ đồng; năm 2022 ước đón 4,45 triệu lượt khách, trong đó có 210 ngàn lượt khách quốc tế, doanh thu từ du lịch đạt 10.600 tỷ đồng.

tục được mở mang, nâng cấp, kết nối tốt với hệ thống trục chính Quốc lộ, tạo thành mạng lưới giao thông khá hoàn chỉnh và liên thông với các tỉnh bạn ^[7]. Mạng lưới đường giao thông nông thôn phát triển mạnh, hệ thống đường huyện, đường đến các trung tâm xã, thôn, xóm cơ bản đã được liên thông, đã có 100% xã có đường ô tô đến trung tâm.

Mạng lưới bưu chính viễn thông được mở rộng, phát triển nhanh với nhiều loại hình dịch vụ bưu chính, viễn thông, internet... phong phú, tiên tiến, hiện đại, đảm bảo chất lượng, thông tin liên lạc thông suốt phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan nhà nước và phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp; tạo nền tảng xây dựng chính quyền số, chuyển đổi số. Mạng lưới phục vụ bưu chính, viễn thông với 1.260 cơ sở kinh doanh dịch vụ bưu chính viễn thông, đạt bán kính phục vụ bình quân là 1,4 km/cơ sở. Mật độ điện thoại 148 thuê bao/100 dân; tỷ lệ người sử dụng internet (quy đổi) là 66%. Hệ thống truyền dẫn cáp quang, mạng internet băng rộng di động 3G, 4G và cố định đã phủ đến 100% xã/phường/thị trấn. Tổng số vị trí trạm BTS: 1.545 vị trí, với vùng phủ sóng di động 3G, 4G đạt khoảng 98% dân số trên toàn tỉnh.

Hoạt động tài chính có chuyển biến tiến bộ. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2022 ước đạt 8.488 tỷ đồng, trong đó thu nội địa khoảng 7.188 tỷ đồng, bằng gấp 93,35 lần so với năm 1992, tăng bình quân 16,32%/năm. Huy động GRDP vào ngân sách nhà nước (chưa tính các khoản thu trực tiếp từ dầu khí và thuế xuất nhập khẩu) bình quân hàng năm đạt từ 9-10%. Chi ngân sách địa phương qua các năm đều tăng, từng bước đáp ứng được nhiệm vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng tại địa phương. Tổng chi ngân sách địa phương năm 2022 ước đạt 11.882 tỷ đồng, bằng gấp 123,8 lần so với năm 1992, tăng bình quân 17,43%/năm; trong đó, chi đầu tư phát triển năm 2022 ước đạt 2.961 tỷ đồng, bằng gấp 190,21 lần so với năm 1992, tăng bình quân 19,12%/năm.

Hoạt động tín dụng phát triển ổn định, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch được mở rộng; phát triển mạng lưới ATM, POS, nâng cao chất lượng dịch vụ thanh toán, phát triển thêm các sản phẩm mới, dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ ngân hàng hiện đại cho khách hàng.

Dịch vụ bảo hiểm ngày càng phát triển. Triển khai có hiệu quả việc khai thác, phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trên địa bàn tỉnh.

^[7] Hiện nay tỉnh đang tiếp tục triển khai thi công các tuyến đường ĐT.719, ĐT.719B và Hàm Kiệm - Tiến Thành, đây là các tuyến đường sẽ kết nối các khu du lịch ven biển phía Nam thành phố Phan Thiết và huyện Hàm Thuận Nam với các dự án phát triển du lịch, nghỉ dưỡng quy mô lớn đã được chấp nhận đầu tư; đôn đầu kết nối với cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây và Phan Thiết - Vĩnh Hảo dự kiến cuối năm 2022 sẽ đưa vào khai thác sử dụng, cùng với các công trình trong kế hoạch trung hạn 2021-2025 đang chuẩn bị các thủ tục đầu tư như đường Hòn Lan - Tân Hải, cầu Văn Thánh, đường Tân Minh - Sơn Mỹ, đường tránh thị xã La Gi, và Cảng hàng không Phan Thiết, trong thời gian tới, kỳ vọng sẽ tạo ra nhiều động lực phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Thuận.

4. Sản xuất nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản tiếp tục phát triển theo hướng nâng dần chất lượng, hiệu quả:

Một trong những nét nổi bật trong nông nghiệp là hệ thống công trình thủy lợi được tập trung đầu tư xây dựng mới, mở rộng nâng cấp để khắc phục tình trạng khô hạn, thiếu nước, đã tác động hiệu quả, thiết thực đến sản xuất, đưa năng lực tưới gấp 3,5 - 4 lần; đặc biệt là các công trình nâng cấp, nối mạng các tuyến kênh chuyển nước với suất đầu tư thấp, nhưng phát huy năng lực tưới nhanh, đưa diện tích gieo trồng được tưới tăng từ 32.600 ha (năm 1992) lên 114.500 ha (năm 2021). Một số công trình đã đem lại hiệu quả cao như: Hồ Sông Quao, hồ Cà Giây, hồ Lòng Sông, hồ Sông Móng, hồ Sông Dinh 3, dự án tưới Phan Rí - Phan Thiết, kênh 812 - Châu Tá, kênh chuyển nước Sông Lũy - Cà Giây, kênh chuyển nước hồ Sông Móng - hồ Đu Đủ - hồ Tân Lập,. Một số công trình đang tiếp tục đầu tư có nguồn vốn lớn như: hồ Sông Lũy, hệ thống thủy lợi Tà Pao, kênh tiếp nước Biển Lạc - Hàm Tân.

Cơ cấu cây trồng tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, tập trung phát triển nhanh cây công nghiệp dài ngày và cây ăn quả có tính chiến lược lâu dài. Đến năm 2022, diện tích cây lâu năm ước đạt 113.100 ha, tăng 98.003 ha, gấp 7,49 lần so với năm 1992; trong đó, diện tích thanh long từ 800 ha tăng lên

33.300 ha (gấp 41,63 lần), cây cao su từ 1.500 ha tăng lên 45.500 ha (gấp 30,33 lần). Hiệu quả sản xuất trên 1 đơn vị diện tích không ngừng tăng lên qua các năm. Giá trị sản phẩm trên 1 ha đất trồng trọt tăng từ 5,45 triệu đồng năm 1992, ước tính lên 127 triệu đồng/ha năm 2022, tăng bình quân 11,75%/năm.

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh được quan tâm triển khai và đạt kết quả bước đầu. Việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp được mở rộng, góp phần nâng cao năng suất và sản lượng nhiều loại cây trồng trên địa bàn tỉnh. Năng suất lúa từ 29,9 tạ/ha (năm 1992) tăng lên 58,9 tạ/ha (năm 2022), sản lượng lương thực từ 180.242 tấn (năm 1992) tăng lên 846.626 tấn (năm 2022), bằng gấp 4,7 lần. Sản lượng một số cây trồng lợi thế như thanh long và cao su tăng vượt trội từ số lượng rất nhỏ, nay đã tạo được lượng hàng hóa lớn phục vụ xuất khẩu; năm 2022, sản lượng thanh long đạt 699.500 tấn, bằng gấp 99,9 lần; cao su 61.500 tấn, bằng gấp 512,5 lần so với năm 1992. Chăn nuôi phát triển ổn định, từng bước thay thế dần chăn nuôi nhỏ lẻ sang quy mô trang trại, gắn với tăng cường ứng dụng các kỹ thuật hiện đại, kiểm soát môi trường và dịch bệnh^[8].

Trong lĩnh vực lâm nghiệp, đã triển khai thực hiện nhiều chương trình, dự án

^[8] Toàn tỉnh hiện có trên 250 cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung; trong đó, có 65 cơ sở chăn nuôi quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao; có 50 cơ sở chăn nuôi được công nhận an toàn dịch bệnh.

phát triển lâm nghiệp, mang lại hiệu quả thiết thực^[9], qua đó góp phần nâng tổng diện tích rừng trồng nằm trong quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh đến nay đạt 34.682 ha (tăng 24.067 ha so với năm 1992); năng suất rừng trồng ngày càng được cải thiện (bình quân 61,3m³/ha); triển khai giao khoán đến hộ 133.235 ha rừng, tăng độ che phủ của rừng từ 38,72% năm 2000 lên 43% năm 2022. Việc thực hiện chuyển hóa rừng trồng, trồng mới, trồng lại rừng với mục đích kinh doanh gỗ lớn, xây dựng mô hình thí điểm được quan tâm, góp phần nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm gỗ. Công tác quản lý, bảo vệ rừng được tăng cường.

Kinh tế thủy sản tiếp tục phát triển theo hướng nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm gắn với công nghiệp chế biến và xuất khẩu; sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản năm 1992 đạt 77.133 tấn, đến năm 2022 ước đạt 246.300 tấn, gấp 3,2 lần; đặc biệt sản xuất tôm giống phát triển nhanh và giữ vững thương hiệu, sản lượng năm 1992 đạt dưới 200 triệu post, đến năm 2022 ước đạt 27 tỷ post gấp 135 lần. Tàu thuyền công suất lớn khai thác xa bờ gắn với các dịch vụ nghề cá tiếp tục tăng, đến năm 2022 toàn tỉnh có 6.600 chiếc với tổng công suất 1.092.100 cv, bình quân 165,5 cv/chiếc, bằng gấp 6,6 lần so với năm 1992, trong đó có 1.965 tàu cá chiều dài từ 15 mét trở lên^[10]. Công tác tổ chức sản xuất theo hình thức tổ đội được quan tâm^[11], góp phần giúp ngư dân hỗ trợ nhau trong sản xuất và cứu hộ, cứu nạn trên biển. Công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản được tăng cường.

5. Các nguồn vốn xã hội được huy động cho đầu tư tăng nhanh

Trong 30 năm, tổng vốn đầu tư xã hội được huy động là 367.096 tỷ đồng, trong đó: Giai đoạn 1992 - 1995: 1.260 tỷ đồng, giai đoạn 1996 - 2000: 3.000 tỷ đồng, giai đoạn 2001 - 2005: 12.660 tỷ đồng, giai đoạn 2006 - 2011: 58.000 tỷ đồng, giai đoạn 2011 - 2015: 76.092 tỷ đồng, giai đoạn 2016 - 2022: 216.004 tỷ đồng, tăng bình quân 22,75%/năm, trong đó vốn ngoài nhà nước 307.860 tỷ đồng, chiếm 83,86% trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Tỷ trọng vốn đầu tư phát triển so với GRDP từ 2,43% (năm 1992) đã tăng lên 46,86% (năm 2022), góp phần đẩy nhanh tiến độ đầu tư kết cấu hạ tầng, thúc đẩy sự phát triển của các ngành, các lĩnh vực trọng tâm, phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân.

Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu tiếp tục được đầu tư xây dựng theo hướng đồng bộ, nhất là giao thông vận tải, sản xuất và truyền tải điện; nhiều dự án hoàn thành đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả giữa kết nối tỉnh

^[9] Như: Dự án trồng rừng trên đất trống đồi núi trọc 327 (1993 - 1998) đã trồng được 9.600 ha rừng tập trung; Chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng (1999 - 2010) đã trồng mới và trồng lại 55.300 ha rừng, giao khoán đến hộ 67.000 ha rừng tự nhiên và rừng trồng thuộc đối tượng phòng hộ, đặc dụng, khoanh nuôi tái sinh tự nhiên 19.500 ha; Chương trình Bảo vệ phát triển rừng bền vững; Chương trình trồng rừng bằng nguồn vốn tài trợ của chương trình lương thực thế giới (PAM); Chương trình "Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn tăng cường trữ lượng các-bon rừng tại tỉnh Bình Thuận"; Dự án trồng rừng ven biển chắn sóng, chắn cát để cải thiện môi trường sống và canh tác của người dân địa bàn tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2015 - 2020 (SP-RCC);...

^[10] Năm 1992 chỉ có 2 tàu cá có công suất trên 90 CV.

^[11] Với 129 tổ đoàn kết/982 thuyền/4.910 lao động và 5 nghiệp đoàn khai thác hải sản.

Bình Thuận với khu vực Đông Nam Bộ và các địa phương khác, tạo tiền đề quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cải thiện bộ mặt đô thị, nông thôn trong tỉnh. Tiếp tục thi công, khởi công mới các công trình đê, kè bảo vệ bờ biển, các khu tránh trú bão cho tàu cá. Đầu tư nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các tuyến đường giao thông quan trọng, các cảng biển. Tiếp tục đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp. Một số đường dây cao thế, hạ thế, các trạm biến áp và một số dự án nhiệt điện, thủy điện, điện gió, điện mặt trời được đầu tư hoàn thành, đưa vào hoạt động. Kết cấu hạ tầng thương mại, hệ thống trường lớp, bệnh viện, trạm y tế, thông tin liên lạc, các thiết chế văn hóa được tiếp tục đầu tư.

Công tác xúc tiến đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư được quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nguồn vốn ngoài ngân sách; đặc biệt tỉnh đã tổ chức thành công 2 hội nghị xúc tiến đầu tư, đã thu hút một số dự án du lịch quy mô lớn đăng ký đầu tư vào khu vực Hòa Thắng - Hòa Phú, khu vực hai bên đường ĐT.706B và các dự án điện mặt trời, nông nghiệp công nghệ cao. Đến nay (tháng 02 năm 2022), toàn tỉnh đã thu hút 1.597 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư 333.161,8 tỷ đồng; trong đó có 117 dự án FDI, với tổng vốn đầu tư 3,38 tỷ USD. Việc rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp tiếp tục được quan tâm, từ năm 1992 đến nay có thêm 1.117 dự án đi vào hoạt động, trong đó có 78 dự án FDI.

Triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy doanh nghiệp phát triển. Số lượng doanh nghiệp tăng khá và có sự thay đổi theo xu hướng tăng cơ cấu kinh tế ngoài Nhà nước do thành phần kinh tế tư nhân phát triển nhanh, đúng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế nhiều thành phần. Đến cuối năm 2020 có 4.410 doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh và kê khai thuế, gấp 20,42 lần so với năm 1995, tăng bình quân 12,82%/năm; tổng số lao động trong các doanh nghiệp đến cuối năm 2020 là 75.360 người, gấp 28,57 lần so với năm 1995; nguồn vốn sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đến năm 2020 là 189.800 tỷ đồng, bằng gấp 5.487,7 lần so với năm 1995, tăng bình quân 41,11%/năm.

6. Hệ thống đô thị được đầu tư; xây dựng phát triển nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt kết quả tích cực

Hệ thống đô thị có bước phát triển đáng kể. Năm 1992, có 9 đô thị gồm: 8 thị trấn (đô thị loại V) và 1 thị xã (đô thị loại IV); đến nay toàn tỉnh đã có 14 đô thị gồm: 11 đô thị loại V, 01 đô thị loại IV, 01 đô thị loại III và 01 đô thị loại II. Các đô thị trên địa bàn tỉnh cơ bản được hình thành và phân bố tương đối hợp lý; tạo thế phát triển cân bằng giữa các vùng trong tỉnh. Hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị được quan tâm đầu tư phát triển. Các trục đường chính trong đô thị hầu hết được nhựa hóa. Tất cả các đô thị trong tỉnh đều đã có hệ thống cấp nước đáp ứng cơ bản

nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của nhân dân. Hệ thống thoát nước và cung cấp điện tại các đô thị đã được quan tâm đầu tư nâng cấp. Mạng lưới bưu chính viễn thông được mở rộng, chất lượng ngày càng được cải thiện; sóng phát thanh, truyền hình đã phủ khắp toàn tỉnh. Hệ thống hạ tầng xã hội cũng được đầu tư, đã xây dựng mới Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Đa khoa khu vực và các bệnh viện huyện tại các trung tâm đô thị... Nhìn chung, hệ thống hạ tầng đô thị đã phát triển đúng hướng, từng bước hoàn thiện theo tiêu chí của từng đô thị. Bộ mặt các đô thị tiếp tục khởi sắc; đời sống cư dân đô thị có bước cải thiện đáng kể.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được tập trung chỉ đạo đạt kết quả tích cực; đến cuối năm 2021, toàn tỉnh có 69/93 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 74,2% số xã, được Thủ tướng Chính phủ tặng Huân chương lao động hạng Ba năm 2020. Xây dựng nông thôn mới cấp huyện được tích cực triển khai, đến nay có 3 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Đã huy động được 32.772 tỷ đồng để đầu tư hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống của nhân dân, nổi bật là phong trào làm giao thông nông thôn phát triển rộng khắp, thực hiện cứng hóa được 58% tổng chiều dài đường giao thông nông thôn; phong trào làm thủy lợi nhỏ, kiên cố hóa kênh mương nội đồng tiếp tục phát huy hiệu quả; các mô hình liên kết sản xuất chuỗi giá trị được chú trọng triển khai, đạt kết quả tích cực^[12]; qua đó, bộ mặt nông thôn của tỉnh ngày càng đổi mới, đời sống nhân dân được nâng lên.

Tình hình dân sinh, kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tiếp tục phát triển. Đến nay, có 100% xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số có đường ô tô thảm nhựa thông suốt đến trung tâm xã; điện lưới quốc gia, hạ tầng bưu chính, viễn thông đều khắp; đầu tư nhiều công trình thủy lợi; xây dựng hơn 5.543 căn nhà cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; 100% xã thuần đồng bào dân tộc thiểu số đã hoàn thành việc phê duyệt đề án quy hoạch theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Việc đầu tư kết cấu hạ tầng thương mại, dịch vụ vùng đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm^[13]. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ giải quyết cấp đất sản xuất^[14], hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư^[15], chính sách giao khoán, quản lý, bảo vệ rừng^[16] và chính sách đầu tư ứng trước và trợ cước vận chuyển giống, vật tư để hỗ trợ phát triển sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh.

^[12] Đến cuối năm 2021, toàn tỉnh có 34 sản phẩm đạt chuẩn OCOP 4 sao và 2 sản phẩm đủ điều kiện trình Trung ương công nhận đạt 5 sao theo Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

^[13] Đến nay có 17 xã miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã đạt tiêu chí số 7 về chợ nông thôn và có 15 cửa hàng xăng dầu.

^[14] Đã giải quyết căn bản đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số với tổng diện tích 15.281,08 ha/14.279 hộ (bình quân 01 ha/hộ).

^[15] Đã triển khai đầu tư 5 dự án định canh, định cư tập trung bố trí ổn định 276 hộ/1.186 khẩu.

^[16] Diện tích 86.252,59 ha/2.381 hộ (bình quân 36,3 ha/hộ); kinh phí chi trả 200.000 đồng/ha/năm.

7. Sự nghiệp giáo dục và đào tạo được quan tâm đầu tư và phát triển cơ bản toàn diện

Công tác giáo dục và đào tạo được quan tâm đầu tư và phát triển cơ bản toàn diện. Từ một tỉnh còn hơn 50% số trường học là tranh tre hoặc nhà tạm bợ, đội ngũ giáo viên các cấp thiếu trầm trọng, thì đến nay 100% trường học của tỉnh đã được kiên cố hóa và phân bố đều khắp các địa bàn dân cư, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đến trường, đáp ứng nhu cầu học tập của con em nhân dân trong tỉnh^[17]. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học tiếp tục được tăng cường đầu tư theo hướng kiên cố hóa, trường đạt chuẩn quốc gia^[18]. Trường THPT chuyên Trần Hưng Đạo được đầu tư xây dựng tại vị trí mới, với diện tích 4,8ha theo tiêu chuẩn quốc tế. Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục cơ bản đủ về số lượng, đạt chuẩn về trình độ đào tạo, đáp ứng tốt nhiệm vụ giáo dục và đào tạo tại địa phương. Công tác huy động học sinh đến trường hàng năm có nhiều cố gắng, tỷ lệ học sinh bỏ học hàng năm giảm. Công tác đổi mới phương pháp dạy và học được chú trọng; chất lượng giáo dục toàn diện ngày càng được nâng lên, quan tâm đúng mức giáo dục đạo đức, nhân cách và kỹ năng sống cho học sinh; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học, trung học cơ sở và tốt nghiệp trung học phổ thông được tăng lên qua từng năm, tham gia các kỳ thi học sinh giỏi cấp khu vực và quốc gia đạt nhiều thành tích cao. Đến cuối năm 2007, tỉnh Bình Thuận được công nhận hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở và đã giữ vững chuẩn cho đến nay.

Hệ thống cơ sở đào tạo, giáo dục nghề nghiệp được kiện toàn và phát triển, góp phần tích cực trong đào tạo, phát triển nguồn nhân lực tại địa phương. Hoạt động đào tạo nghề từng bước gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp và nhu cầu thị trường; ngành nghề, loại hình đào tạo đa dạng hơn. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có nhiều đổi mới về công tác tư vấn hướng nghiệp, tuyển sinh, thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người học^[19]. Các trường đại học, cao đẳng trong tỉnh được tạo điều kiện và khuyến khích tăng cường hợp tác, liên kết đào tạo với các trường đại học trong cả nước, góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh. Tỷ lệ lao động qua đào tạo bằng các hình thức nâng từ 28% năm 2010 lên 72% năm 2022, trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp bằng hoặc chứng chỉ nghề từ 10,6% lên 29,2%.

^[17] Toàn tỉnh hiện có 585 cơ sở giáo dục và đào tạo; cụ thể: (1) Trường Mầm non: Có 181 trường (100% số xã, phường, thị trấn có cơ sở giáo dục mầm non); (2) Trường Tiểu học: Có 246 trường (100% số xã, phường, thị trấn có trường tiểu học, các điểm trường lẻ mở rộng đến tận thôn, bản); (3) Trường Trung học cơ sở và PTCS: Có 130 trường, trong đó: có 113 trường THCS và 17 trường TH&THCS; (4) Trường Trung học phổ thông: Có 28 trường; (4) Trường chuyên biệt: Có 6 trường, gồm có 4 trường PT dân tộc nội trú huyện, 1 trường PT dân tộc nội trú tỉnh, 1 trường THPT chuyên (trường chuyên Trần Hưng Đạo). Đồng thời, toàn tỉnh có 9 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện (trong đó có 4 Trung tâm giáo dục thường xuyên), 124/124 xã có trung tâm học tập cộng đồng.

^[18] Tính đến cuối năm 2021, toàn tỉnh có 269/538 trường công lập đạt chuẩn quốc gia chiếm tỷ lệ 50%.

^[19] Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 1 trường đại học, 3 trường cao đẳng, 2 trường trung cấp, 14 trung tâm giáo dục nghề nghiệp và 7 cơ sở tham gia hoạt động đào tạo nghề nghiệp.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có nhiều cố gắng. Tỉnh đã dành kinh phí đưa cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước, tăng cường cử tuyển đưa đi đào tạo các ngành đang có nhu cầu.

8. Sự nghiệp khoa học công nghệ tiếp tục chuyển biến tiến bộ

Hoạt động khoa học và công nghệ đã có nhiều đổi mới, bám sát hơn yêu cầu thực tiễn của địa phương, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh^[20], đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế. Nhiều đề tài, dự án về khoa học - công nghệ được tổ chức, nghiên cứu, triển khai, ứng dụng. Các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ mang lại hiệu quả cao từng bước được phổ biến, nhân rộng, góp phần thay đổi tập quán, nâng cao hiệu quả sản xuất cho nhân dân. Tiềm lực khoa học và công nghệ của tỉnh từng bước được tăng cường, cơ bản đáp ứng nhu cầu phục vụ công tác quản lý và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân trong tỉnh. Năng lực nghiên cứu, ứng dụng của các tổ chức trong tỉnh đã được nâng cao có khả năng chủ trì giải quyết hầu hết các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học công nghệ của tỉnh và tham gia một số nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của Trung ương. Tài sản trí tuệ của các tổ chức, cá nhân đã được hỗ trợ tạo lập và phát triển; việc hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, thiết bị, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến được quan tâm. Một số mặt hàng chủ lực, lợi thế của tỉnh như thanh long, nước mắm, thủy sản đã nâng cao chất lượng, khả năng cạnh tranh, tạo dựng được thương hiệu, được bảo hộ trong và ngoài nước. Công tác quản lý nhà nước về khoa học - công nghệ ngày càng hoàn thiện. Năng lực, hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ vào thực tiễn sản xuất và đời sống tiếp tục được nâng lên. Bước đầu thực hiện các giải pháp tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin được đẩy mạnh, nhất là ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính; từ một tỉnh trắng về công nghệ thông tin, đến nay tỉnh đã có 2 mạng diện rộng của hệ thống Đảng và Nhà nước được kết nối từ tỉnh đến các huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn; 01 hệ thống Hội nghị truyền hình kết nối giữa tỉnh với Trung ương và 01 hệ thống hội nghị truyền hình kết nối giữa tỉnh với các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh, phục vụ tốt việc họp trực tuyến giữa Trung ương với tỉnh và giữa tỉnh với các địa phương; hệ thống mail công vụ của tỉnh (mail.binhthuan.gov.vn) được đầu tư và đưa vào ứng dụng từ cấp tỉnh đến cấp xã; 100% cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh được trang bị máy tính phục vụ hoạt động chuyên môn; 100% sở,

^[20] Đóng góp của khoa học và công nghệ trong tăng trưởng kinh tế đo bằng chỉ số TFP bình quân hằng năm trong giai đoạn 2011 - 2015 là 29,6%, giai đoạn 2016 - 2020 là 32,48%.

ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện có mạng LAN, kết nối Internet tốc độ cao và kết nối mạng WAN tỉnh; phần mềm điện tử 1 cửa liên thông và nhiều phần mềm ứng dụng khác đã được đầu tư và đưa vào áp dụng tại các sở, ngành và các huyện, thị xã, thành phố... đã góp phần đáng kể trong cải cách thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian và nâng cao hiệu quả công việc.

9. Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao được phát triển có chiều sâu và hướng về cơ sở

Công tác tuyên truyền, cổ động trực quan, triển lãm tiếp tục được duy trì, phát triển; truyền truyền và chiếu phim lưu động phục vụ đồng bào vùng sâu, vùng xa, miền núi, vùng dân tộc thiểu số, thiếu nhi... được tổ chức thường xuyên, gắn với các ngày kỷ niệm, lễ, tết, các sự kiện chính trị của quê hương, đất nước. Hoạt động biểu diễn nghệ thuật được phát triển sâu, rộng, nội dung được đổi mới, chất lượng ngày càng được nâng cao. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ hướng mạnh về cơ sở, đến nay 124/124 xã, phường, thị trấn đều có đội văn nghệ quần chúng và hàng chục câu lạc bộ, đội, nhóm ca - múa - nhạc duy trì hoạt động thường xuyên, góp phần tích cực trong xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở cũng như phục vụ nhu cầu của nhân dân và du khách. Công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, lễ hội truyền thống được chú trọng. Các thiết chế văn hóa ở cơ sở tiếp tục được đầu tư và mở rộng, từng bước đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa của cộng đồng dân cư. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được triển khai rộng khắp trong toàn tỉnh từ năm 1996 đến nay và luôn nhận được sự đồng tình hưởng ứng của đông đảo quần chúng nhân dân^[21].

Phong trào thể dục, thể thao quần chúng phát triển rộng đến mọi đối tượng, địa bàn dân cư với các loại hình phong phú, tỷ lệ người tập thể dục, thể thao ngày tăng lên; đến nay tỷ lệ số người tham gia tập luyện thường xuyên là 32%, hộ gia đình thể thao là 22%, tỷ lệ trường học đảm bảo giáo dục thể chất 100%; số điểm tập thể dục tập thể hình thành từ cơ sở. Hàng năm, trung bình trên địa bàn tỉnh tổ chức hơn 20 giải thể thao quần chúng, qua đó các môn thể thao dân tộc được khôi phục và phát triển các môn mới như leo núi, chạy vượt đồi cát, đua thuyền truyền thống, 3 môn phối hợp Bơi - Chạy - Trượt đồi cát. Các dịch vụ, loại hình thể thao giải trí, thể thao trên biển ngày càng phát triển đa dạng và phong phú. Đối với hoạt động thể thao thành tích cao, từ một địa phương không có thành tích đáng kể so với các tỉnh trong khu vực và trong cả nước, nhưng trong thời gian khoảng 10 năm trở lại đây, thể thao thành tích cao đã gặt hái được nhiều thành tích, đặc biệt là những huy chương Vàng, Bạc cấp Thế giới, Châu Á, Đông Nam Á và Sea Games.

^[21] Toàn tỉnh hiện có 100% thôn, khu phố đăng ký phát động xây dựng thôn, khu phố văn hóa; đến cuối năm 2021 đã bình xét, có 671/691 thôn - khu phố được công nhận lại và công nhận mới (đạt tỷ lệ 97%), có 83/93 xã tổ chức phát động xây dựng (đạt tỷ lệ 89,2%), có 72 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới (đạt tỷ lệ 78,4% so với tổng số xã); có 295.684 hộ đạt danh hiệu “Gia đình văn hoá” (đạt tỷ lệ 93,96% so tổng số hộ), trong đó hộ gia đình văn hoá tiêu biểu được bình chọn là 2.285 hộ.

Thành tích vận động viên đạt huy chương và đẳng cấp năm sau cao hơn năm trước, đóng góp cho đội tuyển trẻ và đội tuyển quốc gia hơn 130 lượt vận động viên; các môn thể thao thể mạnh được đầu tư và duy trì thường xuyên như võ thuật, điền kinh, đua thuyền. Vượt qua vòng chung kết Giải bóng đá hạng nhì năm 2022, đội bóng đá nam Bình Thuận lên thi đấu ở giải hạng nhất Quốc gia.

10. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân từng bước đáp ứng nhu cầu của nhân dân tại địa phương

Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe Nhân dân luôn được quan tâm đầu tư cả về cơ sở vật chất, nhân lực hoàn thiện mạng lưới. Hệ thống cơ sở phòng bệnh và trị bệnh được phủ kín từ tỉnh đến cơ sở^[22]. Các cơ sở khám chữa bệnh đã không ngừng nâng cao chất lượng khám chữa bệnh phục vụ nhân dân trên địa bàn tỉnh; thực hiện tốt công tác đổi mới phong cách thái độ hướng đến sự hài lòng của người bệnh, phát triển chuyên môn kỹ thuật mới, tăng cường đào tạo chuyên môn trong khám chữa bệnh. Các bệnh viện tuyến tỉnh đã được các Bệnh viện tuyến trung ương chuyển giao các gói kỹ thuật mới, tiên tiến như: MRI, CT Scan, phẫu thuật nội soi, thay khớp háng toàn phần, siêu âm chẩn đoán, tán sỏi ngoài cơ thể. Các bệnh viện, trung tâm y tế có giường bệnh (gọi chung là cơ sở khám chữa bệnh) đều có xây dựng kế hoạch, chương trình bảo đảm và cải tiến chất lượng trong bệnh viện, tổ chức triển khai các quy định, hướng dẫn chuyên môn trong khám bệnh, chữa bệnh; triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn người bệnh và nhân viên y tế; áp dụng Bộ tiêu chí Quản lý chất lượng bệnh viện do Bộ Y tế ban hành.

Bên cạnh phát triển về cơ sở vật chất, trang thiết bị thì nguồn nhân lực y tế cũng đã quan tâm, tỉnh đã ban hành nhiều chính sách thu hút nhân lực y tế. Đội ngũ cán bộ y tế đã từng bước trưởng thành, không ngừng phát triển cả về số lượng và chất lượng. Số lượng bác sỹ, dược sỹ đại học, cử nhân điều dưỡng và cán bộ có trình độ trên đại học tăng dần qua từng năm. Nếu năm 1992 tổng số cán bộ ngành y tế là 2.052 người đến năm 2021 là 4.770 người, trong đó bác sỹ/vận dân là 2,4 người đến năm 2022 là 7,9 người; tỷ lệ trạm y tế xã, phường có bác sỹ năm 1992 là 3,6% đến năm 2022 đạt 100%; tỷ lệ trạm y tế có nữ hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi năm 1992 là 16,3 % đến năm 2022 là 100%.

Công tác xã hội hóa y tế đã đạt kết quả nổi bật. Việc liên doanh, liên kết của một số cơ sở khám chữa bệnh đã đạt được một số kết quả tích cực như phát triển nhiều kỹ thuật mới, trang bị được nhiều loại thiết bị hiện đại, tiên tiến (như hệ thống CT-Scanner, Hệ thống máy chạy thận nhân tạo) giúp nâng cao hiệu quả

^[22] Bệnh viện đa khoa tỉnh được đầu tư xây mới và đưa vào hoạt động từ năm 2005 với quy mô 800 giường bệnh, đồng thời đã hình thành bệnh viện đa khoa khu vực tuyến tỉnh tại La Gi, Đức Linh, Bắc Bình; 3 bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh (Bệnh viện Da liễu, Bệnh viện phổi và Bệnh viện y học cổ truyền- Phục hồi chức năng); 7 trung tâm y tế tuyến huyện thực hiện 2 chức năng điều trị và dự phòng; 112 trạm y tế xã và 12 phòng khám đa khoa khu vực; 1 Bệnh xá Công an tỉnh; 2 bệnh viện tư nhân (Bệnh viện An Phước và Bệnh viện Tâm Phúc); 387 cơ sở khám chữa bệnh tư nhân khác đang hoạt động; nâng số giường bệnh/vận dân từ 18,16 giường bệnh (năm 2000) lên 30,7 giường bệnh năm 2022.

chẩn đoán và điều trị, góp giảm chi phí cho người dân do di chuyển lên tuyến trên khám bệnh, chữa bệnh. Các bệnh viện đa khoa tư nhân không ngừng được đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế; đã ứng dụng kỹ thuật và điều trị các bệnh về nội khoa, ngoại khoa, sản, phụ khoa và kế hoạch hóa gia đình trong phạm vi chuyên môn được Bộ Y tế cho phép. Hàng năm các cơ sở y tế tư nhân đã cấp cứu và khám chữa bệnh cho khoảng 3 triệu lượt người bệnh, phẫu thuật cho khoảng 100.000 lượt người bệnh. Các phòng khám bệnh, chữa bệnh tư nhân phát triển mạnh trên địa bàn toàn tỉnh. Hệ thống cung ứng thuốc tư nhân cũng phát triển mạnh mẽ, tạo hệ thống cung ứng rộng, giúp người dân vùng nông thôn, vùng xa có thể mua thuốc dễ dàng, không phải đi xa và tránh tình trạng độc quyền trong cung ứng thuốc.

11. Các chính sách an sinh xã hội được thực hiện khá tốt

Công tác giải quyết việc làm được quan tâm, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của xã hội. Các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, cung ứng lao động cho doanh nghiệp, hỗ trợ lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được quan tâm; bình quân hàng năm giải quyết việc làm cho 20.000 - 24.000 lao động.

Tổ chức triển khai kịp thời, đầy đủ các chế độ, chính sách đối với các gia đình có công với cách mạng. Bên cạnh đó, các phong trào đóng góp xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa, phong trào xây tặng nhà tình nghĩa, phong trào nhận phụng dưỡng, đỡ đầu đã được các cơ quan, đơn vị và nhân dân trong tỉnh hưởng ứng tích cực. Từ năm 1992 đến nay, bằng nguồn vốn Trung ương, ngân sách tỉnh và Quỹ đền ơn đáp nghĩa các cấp đã xây dựng 1.088 căn nhà tình nghĩa, nâng cấp, sửa chữa trên 85 công trình bia, đài ghi tên liệt sỹ, nghĩa trang liệt sỹ trên toàn tỉnh với tổng kinh phí trên 114 tỷ đồng; hoàn thành nâng cấp 8.950 mộ liệt sỹ tại Nghĩa trang liệt sỹ tỉnh.

Thông qua thực hiện tốt các dự án, chính sách giảm nghèo đã tác động tích cực đến đời sống của người dân, nhất là đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo giảm hàng năm đều đạt chỉ tiêu đề ra, giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 9,1% (năm 2005) xuống còn 1,15% (năm 2011). Các dự án, chính sách giảm nghèo được thực hiện có hiệu quả như: Xây dựng kết cấu hạ tầng cho xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; hỗ trợ hộ nghèo có điều kiện phát triển sản xuất; chương trình tín dụng ưu đãi hộ nghèo gắn với hướng dẫn cách làm ăn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật; thực hiện đảm bảo các chính sách về y tế, giáo dục, hỗ trợ nhà ở, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và trợ cấp xã hội khác... tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản.

Việc thu hút nguồn lực xã hội hóa thực hiện chính sách trợ giúp xã hội luôn được quan tâm chú trọng và đạt được kết quả khả quan. Hiện nay, đảm bảo 100%

đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện được hưởng chính sách trợ giúp xã hội theo quy định, tạo điều kiện thuận lợi để các nhóm đối tượng yếu thế được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản. Đồng thời, việc chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp luôn được thực hiện khá tốt, giúp cho những đối tượng không nơi nương tựa được quan tâm, chăm sóc.

12. Công tác quản lý tài nguyên và môi trường có nhiều cố gắng

Hoạt động quản lý nhà nước về đất đai, rừng, khoáng sản, môi trường, biển và hải đảo... được chú ý gắn với xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm theo đúng quy định của pháp luật. Công tác quản lý, đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính được chú ý chỉ đạo, từng bước đi vào nề nếp. Việc sử dụng đất đai ngày càng bám sát hơn quy hoạch và kế hoạch được duyệt, hiệu quả được nâng lên. Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được quan tâm đẩy mạnh. Công tác tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường được quan tâm chỉ đạo, hoạt động kiểm tra, giám sát về môi trường, nhất là đối với các cơ sở có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường. Nhiều chỉ tiêu về môi trường được cải thiện, dự ước đến năm 2022, đạt tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước hợp vệ sinh 98,7% (năm 2010 đạt 92%), tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch 69% (năm 2015 đạt 58,4%), tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom xử lý 94,5% (năm 2010 đạt 89%), tỷ lệ chất thải y tế được xử lý 100% (năm 2010 đạt 17,8%), tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%, tỷ lệ che phủ rừng 43% (năm 2010 đạt 35,5%). Quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản và môi trường từng bước được tăng cường, công tác thanh, kiểm tra được tiến hành thường xuyên hơn.

Công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu được chú trọng; từng bước đầu tư xây dựng hệ thống đê, kè chống xâm thực, xây dựng 13 khu tái định cư để bố trí các hộ dân di dời ra khỏi vùng có nguy cơ cao về thiên tai. Quan tâm dành nguồn lực xây dựng các công trình thủy lợi để chủ động nguồn cấp nước sinh hoạt và sản xuất cho nhân dân, nhất là trong mùa khô.

13. Quốc phòng được củng cố và tăng cường; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm

Xây dựng quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân được chú trọng. Công tác bồi dưỡng, cập nhật kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng theo phân cấp được quan tâm đẩy mạnh, đạt kết quả thiết thực. Quản lý nhà nước về quốc phòng và kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường quốc phòng, an ninh ngày càng chặt chẽ và đúng theo quy định, nhất là trong quy hoạch, xây dựng và phê duyệt các dự án phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng tỉnh, huyện, thị xã, thành phố thành khu vực phòng thủ vững chắc được triển khai chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả; huấn luyện, diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh, cấp huyện và chiến đấu phòng thủ cấp xã được tổ chức thường

xuyên, sát với điều kiện thực tế và không ngừng nâng cao chất lượng. Các công trình phòng thủ, công trình chiến đấu, được xây dựng, củng cố theo đúng kế hoạch bảo đảm chất lượng.

Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội được tăng cường. Triển khai đồng bộ nhiều biện pháp đấu tranh, kiềm chế, ngăn chặn sự gia tăng tội phạm, giảm phạm pháp hình sự; công tác điều tra, khám phá án được chỉ đạo quyết liệt, nhiều chuyên án, vụ án nghiêm trọng được làm rõ. Chủ động triển khai lực lượng, phương án bảo vệ an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm. Công tác bảo vệ an ninh nội bộ, phòng chống nội gián, bảo vệ an ninh kinh tế, văn hóa, tư tưởng, an ninh xã hội luôn được chú trọng; giữ vững sự ổn định về chính trị, không để bị động, bất ngờ. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục được mở rộng, chất lượng ngày càng được nâng lên. Sự phối hợp giữa các lực lượng trên địa bàn khá chặt chẽ; xử lý có kết quả các tình huống xảy ra.

Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân theo hướng chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại, không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn và kỹ năng tác chiến. Lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên được tổ chức chặt chẽ, bảo đảm đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ được giao. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hàng năm đều đạt 100% chỉ tiêu, chất lượng ngày càng được nâng lên năm sau cao hơn năm trước. Thường xuyên quan tâm đến đời sống cán bộ, chiến sĩ và thực hiện tốt công tác chính sách hậu phương quân đội.

14. Công tác xây dựng Đảng có chuyển biến tiến bộ

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được thường xuyên chú trọng chất lượng và hiệu quả; việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” gắn với xây dựng, chỉnh đốn Đảng được triển khai đạt kết quả tích cực. Tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân, ý thức rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của cán bộ, đảng viên có chuyển biến so với trước.

Bộ máy các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể chính trị - xã hội thường xuyên được kiện toàn; công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chính sách cán bộ được quan tâm coi trọng. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các loại hình tổ chức cơ sở đảng tiếp tục được nâng lên; nhiều tổ chức cơ sở đảng đã giữ vững và phát huy tốt vai trò hạt nhân chính trị; lãnh đạo cán bộ, đảng viên, nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Công tác kiểm tra, giám sát tiến hành thường xuyên; xử lý tổ chức Đảng và đảng viên sai phạm được tiến hành đúng quy trình, bảo đảm nguyên tắc của Đảng, có tác dụng giáo dục tốt. Những vụ nổi cộm, tồn đọng được xem xét, giải quyết có kết quả.

Phương thức lãnh đạo của các cấp ủy từng bước được đổi mới theo hướng

vừa bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy vai trò của chính quyền; sâu sát với thực tế của cơ sở.

15. Bộ máy nhà nước các cấp trong tỉnh tiếp tục được xây dựng, củng cố; hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên; công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí tiêu cực được tăng cường

Hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp từng bước đổi mới; vai trò của Hội đồng nhân dân các cấp trong quyết định những vấn đề quan trọng của địa phương được phát huy tốt hơn. Chất lượng, hiệu quả các kỳ họp được nâng lên; các nghị quyết ban hành ngày càng sát thực tế, có tính khả thi. Hoạt động giám sát đi dần vào nề nếp; hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn, tiếp xúc cử tri và tiếp công dân từng bước được cải tiến, nâng dần chất lượng và hiệu quả.

Hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong tỉnh tiếp tục nâng lên. Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan chuyên môn được sắp xếp, củng cố từng bước tinh gọn, từng bước cải tiến phương thức hoạt động; khả năng nắm bắt, phát hiện, xử lý các tình huống xảy ra trên địa bàn có tiến bộ dần. Thực hiện đúng quy định về phân cấp quản lý, bảo đảm tập trung, thống nhất, thông suốt, phát huy tính năng động, sáng tạo, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cấp, các ngành; nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

Cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính đạt kết quả khá tích cực. Cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính tiếp tục được thực hiện có nề nếp, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức và công dân ngày càng được nâng cao. Công tác kiểm tra, kiểm soát thủ tục hành chính ở các sở, ngành và địa phương được tăng cường, kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phục vụ nhân dân. Tiếp tục tạo cơ chế thông thoáng trong đầu tư, nhất là cơ chế về đất đai, tài chính, tín dụng, các cơ chế, chính sách hỗ trợ để phát triển sản xuất kinh doanh.

Công tác cải cách tư pháp được đẩy mạnh. Tổ chức bộ máy của các cơ quan tư pháp được thường xuyên quan tâm, củng cố, kiện toàn, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng ngành; trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ có chức danh tư pháp từng bước được nâng lên. Sự phối hợp giữa các cơ quan tư pháp hai cấp trong công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án ngày càng chặt chẽ, đồng bộ. Điều tra, truy tố, xét xử các vụ án bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Các biện pháp phòng chống tham nhũng, lãng phí được thường xuyên chỉ đạo triển khai, đạt nhiều kết quả toàn diện, rõ rệt, tạo hiệu ứng tích cực, lan toả mạnh mẽ trong toàn xã hội, được nhân dân đồng tình ủng hộ, đánh giá cao. Kiểm tra, giám sát, thanh tra về phòng, chống tham nhũng được tăng cường. Những vụ việc liên quan đến tham nhũng, tiêu cực khi phát hiện đều được tập trung làm rõ và xử

lý nghiêm minh. Công tác tiếp nhận, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật.

16. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội được đổi mới

Nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trong tỉnh tiếp tục được đổi mới theo hướng sâu sát cơ sở, gắn với kiện toàn tổ chức, bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả; làm tốt vai trò đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và nhân dân; tích cực tham gia xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

Chất lượng thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể, hội quần chúng tiếp tục được nâng lên, tác động tích cực đến đời sống xã hội. Khối đại đoàn kết toàn dân được phát huy, đã huy động sự tham gia của toàn xã hội trong một số phong trào như bảo vệ môi trường, đấu tranh phòng, chống tội phạm, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, phòng, chống dịch COVID-19,... Việc tham gia đấu tranh, lên án những hành vi lợi dụng dân chủ để gây rối, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường, góp phần củng cố niềm tin, tạo sự đồng thuận trong nhân dân.

Hoạt động giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền được chú trọng thực hiện và chất lượng, hiệu quả được nâng lên.

II. TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN

Tiềm năng và triển vọng phát triển của tỉnh Bình Thuận trong thời gian tới bao gồm các yếu tố cụ thể như sau:

1- Vị trí địa lý là một trong những yếu tố quan trọng và điểm mạnh của tỉnh Bình Thuận so với các địa phương khác trong vùng duyên hải miền Trung và tiểu vùng duyên hải Nam Trung bộ nói riêng. Bình Thuận là một trong 28 tỉnh, thành phố giáp biển của cả nước, nằm ở vị trí chuyển tiếp giữa tiểu vùng duyên hải Nam Trung bộ và vùng Đông Nam bộ (và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam), nằm trên tuyến hành lang kinh tế Bắc - Nam, là tuyến hành lang kết nối các tuyến hành lang kinh tế phía Bắc với hành lang kinh tế phía Nam tham gia vào tuyến hành lang xuyên Á, nằm ở vị trí chuyển tiếp giữa tiểu vùng duyên hải Nam Trung bộ và vùng Đông Nam bộ (và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam), với khoảng cách không quá xa đến trung tâm phát triển lớn nhất cả nước là thành phố Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, Bình Thuận là một tỉnh tiếp nối giữa các tỉnh Tây Nguyên với biển.

2- Bình Thuận có điều kiện tự nhiên và các nguồn tài nguyên tự nhiên phong phú có khả năng huy động, khai thác, sử dụng vào phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tới.

- Có các tiểu vùng khí hậu thuận lợi cho phát triển các loại cây trồng, vật nuôi có năng suất cao nhất là các cây trồng như thanh long, nho, khả năng phát triển chăn nuôi đại gia súc lớn; nền nhiệt độ cao, gió lớn quanh năm thuận lợi cho sấy khô các sản phẩm nông - lâm - ngư, diêm nghiệp và phát triển năng lượng tái sinh, sạch (năng lượng mặt trời, điện gió).

- Tài nguyên đất đai đa dạng và khá bằng phẳng thuận lợi cho việc hình thành các vùng sản xuất tập trung có quy mô hàng hóa (vùng lúa, vùng thanh long, vùng cao su, vùng điều, vùng phát triển chăn nuôi...).

- Tài nguyên khoáng sản phong phú, trong đó có nhiều khoáng sản có trữ lượng lớn, có tiềm năng phát triển các ngành công nghiệp khai khoáng như công nghiệp chế biến sâu titan; công nghiệp khai thác dầu khí và dịch vụ dầu khí; công nghiệp sản xuất nước khoáng; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng...

- Tài nguyên biển, với bờ biển Bình Thuận dài 192 km, ngoài khơi có đảo Phú Quý với diện tích 16 km² nằm cách Phan Thiết 56 hải lý, điều kiện khí hậu thuận lợi (ít mưa bão) tạo điều kiện thuận lợi cho Bình Thuận phát triển các ngành kinh tế từ biển như khai thác, nuôi trồng thủy, hải sản gắn với phát triển công nghiệp chế biến; phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng tầm cỡ quốc gia và quốc tế; phát triển cảng biển gắn với kết hợp hình thành các khu công nghiệp quy mô lớn... Không gian và nguồn lợi từ biển đã và đang được các ngành kinh tế quan tâm khai thác, phát triển và từng bước phát huy hiệu quả. Trong tương lai, vùng ven biển sẽ trở thành vùng động lực thúc đẩy phát triển với việc phát triển các đô thị, khu du lịch; khu, cụm công nghiệp, dịch vụ ven biển; các dự án điện mặt trời, điện gió trên đất liền và điện gió ngoài khơi, điện khí hóa lỏng LNG và hệ thống cảng biển, tuyến đường ven biển. Các ngành ưu tiên phát triển ở khu vực này là du lịch, công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo, đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản và dịch vụ logistics. Đối với du lịch, lấy thế mạnh về biển và cảnh quan thiên nhiên để xây dựng các khu du lịch đẳng cấp với các loại hình du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, chữa bệnh, thể thao biển, MICE... ngành du lịch sẽ trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và Khu du lịch Quốc gia Mũi Né trở thành một trong những điểm đến hàng đầu khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

- Tài nguyên rừng có giá trị đa dạng sinh học, một số loài động vật và thực vật quý, hiếm có giá trị kinh tế cao, có tiềm năng khai thác phát triển du lịch sinh thái; rừng sản xuất có trữ lượng gỗ lớn có tiềm năng phát triển công nghiệp chế biến gỗ, đáp ứng nhu cầu sử dụng trong tỉnh và xuất khẩu.

- Tài nguyên cảnh quan tự nhiên đẹp (với các vùng sinh thái rừng - núi - biển), khí hậu ẩm áp, nhiều tài nguyên nhân văn đa dạng (con người, lịch sử, văn hóa, di tích, tâm linh...) tạo điều kiện thuận lợi hình thành một trung tâm du lịch tầm quốc gia và quốc tế.

Trong bối cảnh phát triển mới, cùng với cơ hội mở rộng thị trường do liên kết, hợp tác phát triển, việc quản lý, khai thác, sử dụng các tài nguyên thiên nhiên hợp lý hiệu quả tạo cơ hội cho Bình Thuận triển vọng phát triển các ngành: Khai thác, nuôi trồng và công nghiệp chế biến thủy, hải sản; nông nghiệp công nghệ cao; công nghiệp khai khoáng (chế biến sâu titan, dịch vụ dầu khí...); phát triển công nghiệp điện, trở thành Trung tâm năng lượng của quốc gia; dịch vụ cảng biển gắn với hình thành các đô thị, các khu công nghiệp và cung cấp dịch vụ logistic; phát triển mô hình các khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ; phát triển các đô thị ven biển, các trung tâm du lịch biển, du lịch sinh thái mang tầm khu vực và quốc tế; trong thời gian đến.

3. Tỉnh Bình Thuận đang trong thời kỳ dân số vàng, có nguồn lực lượng lao động, chất lượng nhân lực ngày càng được nâng cao sẽ trở thành điểm mạnh đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai.

4. Kết cấu hạ tầng kinh tế, nhất là các công trình hạ tầng giao thông, năng lượng của quốc gia đang đầu tư, sớm hoàn thành tạo điều kiện kết nối đồng bộ hạ tầng trong tỉnh với hạ tầng quốc gia, vùng; là điều kiện quan trọng thu hút nhà đầu tư.

Tỉnh Bình Thuận có hệ thống hạ tầng giao thông với đa dạng loại hình vận tải như các tuyến đường bộ QL1, QL28, QL55 và hệ thống đường tỉnh đã và đang được tiếp tục đầu tư nâng cấp; đường sắt Bắc - Nam hiện có và các cảng biển Vĩnh Tân, Phan Thiết đi vào hoạt động từng bước đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ hạ tầng của doanh nghiệp và nhân dân. Các công trình năng lượng quốc gia được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh, cùng với các công trình hạ tầng phục vụ phát triển công nghiệp năng lượng... tạo cho Bình Thuận có mạng lưới hạ tầng tương đối đồng bộ.

Bên cạnh đó, các công trình hạ tầng quốc gia đã được quy hoạch và đang đầu tư trên địa bàn tỉnh như tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam đi qua; cảng biển Sơn Mỹ và cảng hàng không Phan Thiết; đường sắt cao tốc Bắc - Nam... tạo điều kiện kết nối giao thông đi lại dễ dàng, thuận lợi với các vùng và cả nước, nhất là các vùng kinh tế năng động; kết nối phát triển kinh tế thuận lợi với các quốc gia, thị trường trong khu vực ASEAN và quốc tế. Cùng với hệ thống kết cấu hạ tầng kết nối được hoàn thiện, làm gia tăng nhanh hơn hiệu ứng lan tỏa phát triển, nhất là các hoạt động công nghiệp, dịch vụ (giáo dục đào tạo, y tế, du lịch, logistic...), đổi mới sáng tạo từ các trung tâm kinh tế lớn như vùng Đông Nam bộ, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, vùng thành phố Hồ Chí Minh... cùng với thị trường hàng hóa, dịch vụ rộng lớn, là cơ hội cho Bình Thuận thu hút đầu tư.

5. Các chủ trương lớn của Đảng, chính sách của Nhà nước được xác định trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Quy hoạch phát triển vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung, Quy hoạch tỉnh Bình Thuận

thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (đang được xây dựng) là cơ hội cho tỉnh Bình Thuận hoạch định phương án, quản lý phát triển và định hướng cho các doanh nghiệp tận dụng tối đa các cơ hội từ những chủ trương, chính sách mang lại.

6. Tỉnh Bình Thuận đang tiếp tục thực hiện tốt các giải pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh. Thực hiện quyết liệt các giải pháp cải thiện và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số Hiệu quả Quản trị và hành chính công. Quan tâm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, tạo mọi thuận lợi cho sản xuất kinh doanh.

7. Quy mô và chất lượng tăng trưởng kinh tế của tỉnh thời gian qua đang trở thành một trong những nguồn tài lực quan trọng của tỉnh trong thời gian tới. Do tác động tiêu cực từ đại dịch COVID-19, giới đầu tư quốc tế đang đẩy nhanh tiến trình tái cơ cấu, phân bổ lại mạng lưới cơ sở sản xuất trên phạm vi toàn cầu; trong đó, Việt Nam được xác định là ứng viên sáng giá khi nằm ở khu vực phát triển năng động nhất thế giới. Để tận dụng thời cơ mới khi cấu trúc kinh tế thế giới, phương thức sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng thay đổi sau đại dịch, tỉnh Bình Thuận đang chỉ đạo đẩy nhanh phát triển kinh tế số, xã hội số. Đồng thời, sự dịch chuyển, hình thành và phát triển hệ thống đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp hướng tới nền kinh tế dựa chủ yếu vào tiến bộ công nghệ tạo cơ hội cho Bình Thuận khai thác hiệu quả tiềm năng về vị trí địa lý, đất đai, để tiến tới hình thành và phát triển các trung tâm đào tạo hướng tới hình thành một cụm liên kết về đổi mới sáng tạo.

IV. NHỮNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CẦN TẬP TRUNG LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN ĐẾN ĐẾN NĂM 2030

Tập trung lãnh đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, dồn sức thực hiện 5 nhiệm vụ trọng tâm và 3 khâu đột phá, cụ thể:

1. Những nhiệm vụ trọng tâm

- Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, sắp xếp tổ chức bộ máy và cán bộ của hệ thống chính trị, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; siết chặt kỷ luật, kỷ cương gắn với đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

- Đẩy mạnh tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh nền kinh tế; chú trọng phát triển kinh tế biển; ưu tiên phát triển 03 trụ cột gắn với ứng dụng công nghệ cao, xây dựng chuỗi giá trị: (1) Công nghiệp; (2) Du lịch; (3) Nông nghiệp.

- Chú trọng nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho nhân dân. củng cố, tăng cường quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, khoáng sản, bảo vệ rừng, vệ sinh, môi trường, phòng, chống dịch bệnh và ứng phó, thích nghi với biến đổi

khí hậu.

- Xây dựng và triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 bảo đảm hiệu quả.

2. Các khâu đột phá

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao, có năng lực thực tiễn, phẩm chất đạo đức trong sáng, gần dân, trọng dân, có trách nhiệm với nhân dân; chú trọng xây dựng cán bộ nữ, cán bộ trẻ có triển vọng và bảo đảm tính kế thừa.

- Tăng cường đầu tư công và thu hút nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, kể cả hạ tầng công nghệ số. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư kinh doanh, liên kết, hợp tác, phát triển.

Phát huy những thành tựu đã đạt được, với tinh thần dám nghĩ, dám làm, phát huy nội lực, tận dụng thời cơ, khơi dậy khát vọng xây dựng, phát triển tỉnh nhà phát triển nhanh, bền vững; Bình Thuận sẽ gặt hái được nhiều thành công lớn hơn, quan trọng hơn nữa như Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Thuận lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2021-2025 đã đề ra./.

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY BÌNH THUẬN